

4. Tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán và các tổ chức, cá nhân liên quan có nghĩa vụ cung cấp đầy đủ thông tin, giấy tờ và chứng từ theo quy định của tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán khi thực hiện thanh toán ngoại tệ và thanh toán quốc tế quy định tại khoản 3, khoản 5 Điều 5 Nghị định này và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực của các loại giấy tờ, chứng từ đã xuất trình. Tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phải áp dụng các biện pháp xem xét, kiểm tra, lưu giữ các giấy tờ và chứng từ liên quan đến các giao dịch thực tế để đảm bảo việc thanh toán bằng ngoại tệ và thanh toán quốc tế thực hiện đúng mục đích và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 30. Quyền về thông tin, báo cáo

1. Ngân hàng Nhà nước có quyền yêu cầu các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán và các tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán cung cấp thông tin có liên quan tới việc cung ứng dịch vụ theo định kỳ và đột xuất; việc cung cấp thông tin này thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

2. Tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán có quyền yêu cầu khách hàng sử dụng dịch vụ cung cấp thông tin có liên quan khi sử dụng dịch vụ của mình.

Điều 31. Nghĩa vụ về thông tin, báo cáo

1. Tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán có nghĩa vụ báo cáo và cung cấp thông tin cho các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán có nghĩa vụ cung cấp thông tin về giao dịch và số dư trên tài khoản của chủ tài khoản thanh toán, giao dịch và số dư trên ví điện tử của chủ ví điện tử theo thỏa thuận với chủ tài khoản thanh toán, chủ ví điện tử.

Điều 32. Bảo mật thông tin

1. Quyền từ chối cung cấp thông tin

Tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán có quyền từ chối yêu cầu của tổ chức, cá nhân khác về việc cung cấp thông tin liên quan đến tài khoản, giao dịch và số dư trên tài khoản, ví điện tử, giao dịch và số dư trên ví điện tử trừ trường hợp theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật hoặc được sự chấp thuận của khách hàng.

2. Nghĩa vụ bảo mật thông tin

Tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán có trách nhiệm giữ bí mật các thông tin liên quan đến tài khoản, giao dịch và số dư trên tài khoản, ví điện tử, giao dịch và số dư trên ví điện tử, trừ trường hợp được sự chấp thuận của khách hàng hoặc pháp luật có quy định khác.

Chương VI

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT

Điều 33. Giám sát các hệ thống thanh toán quan trọng trong nền kinh tế

1. Ngân hàng Nhà nước ban hành các quy định về giám sát và thực hiện giám sát các hệ thống thanh toán quan trọng trong nền kinh tế để góp phần tăng cường đảm bảo sự hoạt động ổn định, an toàn của các hệ thống thanh toán quan trọng trong nền kinh tế.

2. Ngân hàng Nhà nước xác định các hệ thống thanh toán quan trọng chịu sự giám sát của Ngân hàng Nhà nước. Ngân hàng Nhà nước giám sát các hệ thống thanh toán quan trọng bằng các biện pháp giám sát từ xa, kiểm tra tại chỗ và các biện pháp khác khi cần thiết theo nguyên tắc không làm cản trở hoạt động bình thường của hệ thống và tổ chức vận hành hệ thống thanh toán quan trọng.

3. Ngân hàng Nhà nước có quyền yêu cầu tổ chức vận hành, ngân hàng quyết toán, các thành viên tham gia hệ thống thanh toán quan trọng cung cấp thông tin liên quan đến hệ thống.

4. Tổ chức vận hành, ngân hàng quyết toán, thành viên tham gia hệ thống thanh toán quan trọng có trách nhiệm cung cấp thông tin liên quan đến hệ thống theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước.

5. Các tổ chức vận hành, ngân hàng quyết toán hệ thống thanh toán quan trọng có trách nhiệm chấp hành các quy định và thực hiện các yêu cầu giám sát của Ngân hàng Nhà nước; ban hành các quy định nội bộ về kiểm soát rủi ro và đảm bảo sự hoạt động liên tục của hệ thống.

Điều 34. Giám sát hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán

1. Ngân hàng Nhà nước xác định phạm vi, ban hành quy định về giám sát và thực hiện giám sát hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán.

2. Ngân hàng Nhà nước giám sát hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán bằng các biện pháp giám sát từ xa, kiểm tra tại chỗ và các biện pháp khác khi cần thiết theo nguyên tắc không làm cản trở hoạt động bình thường của các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán.

3. Ngân hàng Nhà nước có quyền yêu cầu tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán cung cấp thông tin liên quan đến hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán.

4. Tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán có trách nhiệm cung cấp thông tin liên quan đến hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước và có trách nhiệm chấp hành các quy định, thực hiện các yêu cầu giám sát của Ngân hàng Nhà nước.

Điều 35. Giám sát hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán

1. Ngân hàng Nhà nước ban hành quy định về giám sát và thực hiện giám sát hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán của tổ chức được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép.

2. Ngân hàng Nhà nước giám sát hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán bằng các biện pháp giám sát từ xa, kiểm tra tại chỗ và các biện pháp khác khi cần thiết theo nguyên tắc không làm cản trở hoạt động bình thường của các tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán.

3. Ngân hàng Nhà nước có quyền yêu cầu tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán cung cấp thông tin liên quan đến hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán.

4. Tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán có trách nhiệm cung cấp thông tin liên quan đến hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước và có trách nhiệm chấp hành các quy định, thực hiện các yêu cầu giám sát của Ngân hàng Nhà nước.

5. Tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán phải xây dựng và cung cấp công cụ giám sát trực tuyến để Ngân hàng Nhà nước giám sát hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán trước khi chính thức cung ứng dịch vụ ra thị trường cho khách hàng.

6. Ngân hàng hợp tác với tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán có trách nhiệm báo cáo, cung cấp thông tin liên quan đến hoạt động hợp tác cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán; thông tin dữ liệu liên quan đến việc mở và quản lý tài khoản đảm bảo thanh toán cho tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán đối với dịch vụ ví điện tử, dịch vụ hỗ trợ thu hộ, chi hộ theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước.

Chương VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 36. Quy định chuyển tiếp

1. Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đã tham gia các hệ thống thanh toán quốc tế trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành được tiếp tục tham gia các hệ thống thanh toán quốc tế đó. Trong thời hạn 24 tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có trách nhiệm đáp ứng điều kiện kinh doanh quy định tại Điều 21 Nghị định này và hoàn thành thủ tục đề nghị chấp thuận tham gia hệ thống thanh toán quốc tế theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước; quá thời hạn nêu trên, ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải chấm dứt tham gia các hệ thống thanh toán quốc tế không ghi trong Giấy phép.

2. Tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán được cấp phép dịch vụ hỗ trợ chuyển tiền điện tử (theo quy định tại khoản 5 Điều 3 Thông tư số 39/2014/TT-NHNN ngày 11 tháng 12 năm 2014 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về dịch vụ trung gian thanh toán) ghi trong Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì dịch vụ này được tiếp tục thực hiện theo thỏa thuận giữa các bên.

3. Tổ chức cung ứng dịch vụ chuyển mạch tài chính được cấp phép trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành đã kết nối với các hệ thống thanh toán quốc tế thì được tiếp tục kết nối với các hệ thống thanh toán quốc tế đó. Trong thời hạn 24 tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, tổ chức cung ứng dịch vụ chuyển mạch tài chính được cấp phép có trách nhiệm đáp ứng điều kiện kinh doanh và hoàn thành thủ tục đề nghị cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ chuyển mạch tài chính quốc tế theo quy định tại Nghị định này; quá thời hạn nêu trên, tổ chức phải chấm dứt kết nối với các hệ thống thanh toán quốc tế không ghi trong Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ chuyển mạch tài chính quốc tế.

4. Doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích được tiếp tục thực hiện cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán theo quy định của pháp luật. Trong thời hạn 24 tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích có trách nhiệm đáp ứng điều kiện kinh doanh và hoàn thành thủ tục đề nghị chấp thuận hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng theo quy định tại Nghị định này; quá thời hạn nêu trên, doanh nghiệp phải chấm dứt hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán.

5. Tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán được cấp phép cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành được tiếp tục thực hiện theo Giấy phép đã được Ngân hàng Nhà nước cấp cho đến khi Giấy phép hết thời hạn, trừ trường hợp tổ chức đề nghị cấp Giấy phép theo quy định tại Nghị định này.

Điều 37. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2024.

2. Nghị định này thay thế cho Nghị định số 101/2012/NĐ-CP ngày 22 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt; Nghị định số 80/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2012/NĐ-CP ngày 22 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt và bãi bỏ Điều 3 của Nghị định số 16/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước.

Điều 38. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên và Tổng Giám đốc (Giám đốc) tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty và Tổng Giám đốc (Giám đốc) Doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTT (2). 110

**TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Lê Minh Khái



Phụ lục
DANH MỤC MẪU VĂN BẢN HỒ SƠ, THỦ TỤC
(Kèm theo Nghị định số 52/2024/NĐ-CP
ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ)

Mẫu số 01	Mẫu đơn đề nghị mở tài khoản thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước
Mẫu số 02	Mẫu đơn đề nghị đóng tài khoản thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước
Mẫu số 03	Mẫu đơn đề nghị cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng
Mẫu số 04	Mẫu Quyết định về việc chấp thuận hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng
Mẫu số 05	Mẫu đơn đề nghị thu hồi văn bản chấp thuận hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng
Mẫu số 06	Mẫu Quyết định về việc thu hồi văn bản chấp thuận hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng
Mẫu số 07	Mẫu đơn đề nghị cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán
Mẫu số 08	Nội dung đề án cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán
Mẫu số 09	Mẫu sơ yếu lý lịch
Mẫu số 10	Mẫu biên bản nghiệm thu kỹ thuật
Mẫu số 11	Mẫu đơn đề nghị cấp lại Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán
Mẫu số 12	Mẫu đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán
Mẫu số 13	Mẫu Giấy phép cấp/cấp lại hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán
Mẫu số 14	Mẫu Quyết định về việc chấp thuận sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán
Mẫu số 15	Mẫu đơn đề nghị thu hồi Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán
Mẫu số 16	Mẫu Quyết định về việc thu hồi Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán

TÊN TỔ CHỨC MỞ TÀI KHOẢN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

..., ngày...tháng.... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ MỞ TÀI KHOẢN THANH TOÁN
TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC**

Kính gửi:

Tên tổ chức mở tài khoản thanh toán (Chủ tài khoản):.....

.....

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:.....

- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh (nếu có):.....

- Tên dùng để giao dịch:.....

Quyết định thành lập số:..... Ngày cấp.....

Nơi cấp:.....

Giấy phép hoạt động/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:.....

Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Mã số thuế:.....

Địa chỉ:..... Điện thoại:.....

Website:..... Email:.....

Họ và tên người đại diện hợp pháp:.....

Phạm vi đại diện:.....

Ngày, tháng, năm sinh*:..... Giới tính (Nam/Nữ)*:.....

Quốc tịch*:..... là người cư trú/không cư trú:.....

Nơi thường trú*:.....

Nơi ở hiện tại (trường hợp khác với nơi thường trú):..... Điện thoại:.....

Quyết định bổ nhiệm số:..... ngày..... tháng..... năm.....

Số định danh cá nhân (đối với thẻ căn cước, thẻ căn cước công dân) hoặc số chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu:.....; Ngày cấp:.....; Có giá trị đến:.....; Nơi cấp:.....

Họ và tên Kế toán trưởng (hoặc người phụ trách kế toán hoặc người kiểm soát chứng từ giao dịch với Ngân hàng Nhà nước):

Ngày, tháng, năm sinh*:..... Giới tính (Nam/Nữ)*:.....

Số định danh cá nhân (đối với thẻ căn cước, thẻ căn cước công dân) hoặc số chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu:.....; Ngày cấp:.....; Có giá trị đến:.....; Nơi cấp:.....

Quyết định bổ nhiệm số:..... ngày..... tháng..... năm.....

Đề nghị mở tài khoản thanh toán tại:.....

Loại tiền tệ: VND USD Loại khác.....

Chúng tôi cam kết:

- Những thông tin trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính chính xác, đúng sự thật của các giấy tờ trong hồ sơ mở tài khoản thanh toán đính kèm.

- Chấp hành đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành về mở và sử dụng tài khoản thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước và xin chịu trách nhiệm đối với mọi vấn đề phát sinh trong trường hợp chúng tôi không thực hiện đúng, đầy đủ quy định về mở và sử dụng tài khoản do Ngân hàng Nhà nước quy định.

- Có văn bản (kèm các giấy tờ liên quan) gửi Ngân hàng Nhà nước khi có bất kỳ sự thay đổi nào về thông tin mở tài khoản thanh toán hoặc mẫu dấu, mẫu chữ ký đã đăng ký sử dụng với Ngân hàng Nhà nước.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hồ sơ đính kèm:

- 1) Bản đăng ký mẫu dấu và chữ ký kèm văn bản ủy quyền (nếu có);
- 2) Quyết định số.....
- 3)

PHẦN DÀNH CHO NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Sau khi kiểm soát và xác định hồ sơ mở tài khoản thanh toán của.....
..... là đầy đủ và hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước
đồng ý mở tài khoản thanh toán số: cho.....

Ngày bắt đầu hoạt động:.....

TRƯỞNG PHÒNG KẾ TOÁN

(Ký, ghi rõ họ tên)

**GIÁM ĐỐC SỞ GIAO DỊCH
NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC/
GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
CHI NHÁNH.....**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: Trường hợp Ngân hàng Nhà nước nơi tiếp nhận Đơn đề nghị mở tài khoản thanh toán đủ điều kiện truy cập, khai thác thông tin trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì không bắt buộc tổ chức mở tài khoản thanh toán phải kê khai các thông tin đánh dấu (*).

BẢN ĐĂNG KÝ MẪU DẤU, CHỮ KÝ
SỬ DỤNG TÀI KHOẢN THANH TOÁN TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
(Đính kèm Đơn đề nghị mở tài khoản số..... ngày... của.....)

Tên tổ chức:.....

Địa chỉ giao dịch:..... Điện thoại giao dịch:.....

Tên tài khoản thanh toán:.....

Số tài khoản thanh toán:.....

Nơi mở tài khoản thanh toán:.....

Đăng ký mẫu chữ ký và mẫu dấu sẽ sử dụng trên các chứng từ giao dịch với Ngân hàng Nhà nước..... như sau:

1. Mẫu chữ ký

Người đăng ký mẫu chữ ký	Mẫu chữ ký thứ nhất	Mẫu chữ ký thứ hai
<p>1. Người đại diện hợp pháp của chủ tài khoản:</p> <p>1.1. Người đại diện hợp pháp thứ nhất:</p> <p>Họ và tên:.....</p> <p>Số định danh cá nhân (đối với thẻ căn cước, thẻ căn cước công dân)/số chứng minh nhân dân/số hộ chiếu:.....</p> <p>Ngày cấp:.....</p> <p>Có giá trị đến:</p> <p>Nơi cấp:.....</p> <p>Phạm vi đại diện:.....</p>		
<p>1.2. Người đại diện hợp pháp thứ hai:</p> <p>Họ và tên:.....</p> <p>Số định danh cá nhân (đối với thẻ căn cước, thẻ căn cước công dân)/số chứng minh nhân dân/số hộ chiếu:.....</p> <p>Ngày cấp:.....</p> <p>Có giá trị đến:</p> <p>Nơi cấp:.....</p> <p>Phạm vi đại diện:.....</p>		